

Bản án số: 21 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 8 - 2018
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Hoàn và bà Trần Thị Ngọc Yên.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thị Lệ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:***
Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 975/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Tiểu khu N, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ cư trú ở nước ngoài: Taiwan (Đài Loan). Vắng mặt (đề nghị Toà án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trương Thị L trình bày:*

Bà Trương Thị L và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 12/9/2014 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì ông Nguyễn Văn T qua Đài Loan làm ăn. Do vợ chồng xa cách nhau nên tình cảm trở nên lạnh nhạt, hai người không tin tưởng nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên bà L có yêu cầu xin được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà L và ông T có một con chung tên là Nguyễn Quang M, sinh ngày 17/10/2015, hiện đang sống cùng với mẹ là bà L. Nguyên vọng của bà L sau khi ly hôn là muốn được nuôi con và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Về tài sản chung: Bà L trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 07/8/2018, ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông T và bà L kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H đúng như bà L trình bày tại Tòa án. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì lớn, thỉnh thoảng hai vợ chồng có cãi nhau bình thường. Sau khi bà L có bầu thì bà L tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Từ đó vợ, chồng không liên lạc với nhau nữa. Khi bà L sinh con được 01 tháng thì ông T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Khi ông T qua Đài Loan cũng có gọi điện về cho bà L, nhưng ông T nói gì thì bà L cũng bác bỏ, từ đó đến nay vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Ông T mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con, tuy nhiên nếu bà L kiên quyết ly hôn thì ông T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông Nguyễn Văn T thừa nhận vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Quang M, sinh ngày 17/10/2015, hiện đang sống với mẹ (bà L). Sau khi ly hôn ông T cũng mong muốn được nuôi con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng tiền nuôi con. Tuy nhiên, nếu bà L cũng có nguyên vọng muốn được nuôi con thì ông T đồng ý giao con cho bà L nuôi. Ông T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu mỗi tháng 2.000.000 đồng của bà L, ông sẽ có cách cấp dưỡng khác cho con.

Do hai vợ chồng không có tài sản chung nên ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông T vắng mặt, tuy nhiên ông T đã có đề nghị xét xử vắng mặt, nên đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Đề nghị Tòa án xử cho bà Trương Thị L được ly hôn ông Nguyễn Văn T; giao cho bà L được trực tiếp nuôi con, buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về tài sản chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý của nguyên đơn và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; tại thời điểm bà L làm đơn xin ly hôn thì ông

T đang cư trú tại Đài Loan. Theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T. Ngày 28/12/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được thông báo của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc về việc đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Văn T, tuy nhiên trong thời hạn chuẩn bị xét xử Tòa án không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của ông T. Ngày 02/3/2018 ông Nguyễn Văn T về Việt Nam, ngày 07/8/2018 (sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử) ông Nguyễn Văn T đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về các nội dung trong việc giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L. Tại phiên toà ông Nguyễn Văn T vắng mặt, tuy nhiên ông T đã đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trương Thị L khẳng định tình cảm vợ chồng đã hết, hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay nên bà L kiên quyết xin được ly hôn. Ông Nguyễn Văn T cũng thừa nhận vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, tình cảm ngày càng phai nhạt, nhưng ông vẫn mong muốn được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, nếu bà L kiên quyết xin ly hôn thì ông T cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy cuộc sống chung giữa ông T và bà L không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù ông T có nguyện vọng được đoàn tụ, nhưng trên thực tế thì từ khi ông T về Việt Nam (từ tháng 3/2018) đến nay thời gian tương đối dài nhưng hai người vẫn không gặp nhau. Điều này thể hiện ông T và bà L không còn yêu thương nhau nữa, không ai thực sự muốn tiếp tục kéo dài cuộc sống chung vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Trương Thị L được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Quang M, sinh ngày 17/10/2015, từ khi sinh ra đến nay cháu M được bà L (mẹ cháu M) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để nuôi con,...

Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi sinh con đến nay, một mình bà L vẫn đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang M. Vì vậy, cần xử giao cháu M cho bà L được tiếp tục trông nom, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy việc đóng góp phí tổn nuôi con vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con cái; đây là việc làm cần thiết để bảo đảm quyền lợi của con. Vì vậy, mặc dù ông T có ý kiến sẽ đóng góp nuôi con theo cách riêng của mình, nhưng Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn T có trách

nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hiện tại ông T không cung cấp cho Toà án biết về mức thu nhập bình quân của ông là bao nhiêu, sau khi về lại Việt Nam thì ông T làm việc gì. Tuy nhiên yêu cầu của bà L là không cao, vì vậy, cần buộc ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2018 trở đi cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi.

[4]. *Về quan hệ tài sản*: Bà Trương Thị L và ông Nguyễn Văn T thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí, phí*: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Toà án không thực hiện việc uỷ thác tư pháp ra nước ngoài nên bà L không phải chịu phí uỷ thác ra nước ngoài.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Tại thời điểm xét xử vụ án ông Nguyễn Văn T đã về Việt Nam (đang có mặt tại Việt Nam) nên có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 479 của Bộ Luật tố tụng dân sự; bà L có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Điều 474, khoản 1 Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho bà Trương Thị L được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cháu Nguyễn Quang M, sinh ngày 17/10/2015 cho bà Trương Thị L (mẹ cháu M) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà L mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2018 trở đi cho đến khi cháu Nguyễn Quang M tròn 18 tuổi.

3. *Về án phí sơ thẩm*: Bà Trương Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 500.000 đồng mà bà L đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0004952 ngày 23/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Trả lại cho bà Trương Thị L 200.000 đồng còn dư tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0004952 ngày 23/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Án xử sơ thẩm, bà Trương Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án;
- Lưu HS vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ